

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
trong sản xuất, lắp ráp ô tô**

Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 46/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2019;

2. Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô¹.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất, lắp ráp thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện

¹ Thông tư số 46/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
Căn cứ Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô;
Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô.”

Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
Căn cứ Nghị định 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật đo lường;
Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương;
Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu.”

sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (sau đây gọi tắt là Nghị định 116) và các linh kiện sử dụng cho ô tô.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với các ô tô được sản xuất, lắp ráp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Nghị định 116.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô, cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu linh kiện ô tô và các tổ chức, cơ quan liên quan đến việc quản lý, kiểm tra, thử nghiệm ô tô và linh kiện ô tô.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tổng thành* là động cơ, khung, buồng lái, thân xe hoặc thùng chở hàng hay thiết bị chuyên dùng lắp trên ô tô;

2. *Hệ thống* là hệ thống truyền lực, hệ thống chuyển động, hệ thống treo, hệ thống phanh, hệ thống lái, hệ thống nhiên liệu, hệ thống điện, hệ thống đèn chiếu sáng và tín hiệu;

3. *Linh kiện* là các tổng thành, hệ thống và các chi tiết của ô tô;

4. *Sản phẩm* là linh kiện hoặc ô tô;

5. *Ô tô cùng kiểu loại* là các ô tô có cùng đặc điểm được xác định theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

6. *Chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm* là quá trình kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá và chứng nhận sự phù hợp của một kiểu loại sản phẩm với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

7. *Mẫu điển hình* là sản phẩm do cơ sở sản xuất hoặc do cơ quan quản lý chất lượng lựa chọn theo quy định để thực hiện việc kiểm tra, thử nghiệm;

8. *Cơ sở sản xuất* là cơ sở sản xuất linh kiện có đủ điều kiện theo các quy định hiện hành hoặc là cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô có đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp theo quy định tại Nghị định số 116;

9. *Cơ sở thiết kế* là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

10. *Cơ quan quản lý chất lượng* (gọi tắt là Cơ quan QLCL) là Cục Đăng kiểm Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải;

11. *Cơ sở thử nghiệm* là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thử nghiệm linh kiện hoặc ô tô theo quy định;

12. *Sản phẩm có khuyết tật* là sản phẩm có lỗi trong quá trình thiết kế, chế tạo, lắp ráp có khả năng gây nguy hiểm đến an toàn tính mạng và tài sản của người sử dụng cũng như gây ảnh hưởng xấu đến an toàn và môi trường của cộng đồng;

13. *Quản lý rủi ro* là việc áp dụng có hệ thống các quy định pháp luật, các quy trình, biện pháp nghiệp vụ nhằm xác định, đánh giá và phân loại các rủi ro có ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm hàng hóa của cơ sở sản xuất làm cơ sở để Cơ quan QLCL áp dụng biện pháp quản lý phù hợp;

14. *Thủ tục đăng kiểm điện tử* là việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai đăng kiểm, trao đổi các thông tin về thủ tục đăng kiểm giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm;

15. *Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm* là hệ thống thông tin do Cơ quan QLCL quản lý để thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử;

16. *Hệ thống khai đăng kiểm điện tử* là hệ thống thông tin phục vụ cho cơ sở sản xuất, nhập khẩu khai báo và tiếp nhận thông tin, kết quả phản hồi của Cơ quan QLCL trong quá trình thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử;

17. *Bản đăng ký thông tin sản phẩm điện tử* là một dạng tài liệu điện tử bao gồm tập hợp các chỉ tiêu thông tin khai của cơ sở sản xuất, nhập khẩu;

18. *Sự cố giao dịch điện tử* là trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm, hệ thống khai đăng kiểm điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau do nguyên nhân khách quan.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Hồ sơ thiết kế ô tô

1. Hồ sơ thiết kế ô tô bao gồm:

a) Đơn đề nghị thẩm định thiết kế ô tô theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao bản thông số, tính năng kỹ thuật của các tổng thành, hệ thống liên quan tới nội dung tính toán thiết kế.

2. Đối với ô tô sản xuất, lắp ráp theo thiết kế và mang nhãn hiệu hàng hóa của nước ngoài, cơ sở sản xuất được miễn lập hồ sơ thiết kế nêu tại khoản 1 Điều này nếu cung cấp được các tài liệu thay thế sau đây:

a) Bản sao có xác nhận của bên chuyển giao công nghệ các bản vẽ kỹ thuật của ô tô và phải thể hiện được: bố trí chung của ô tô; các kích thước cơ bản của ô tô; bố trí và kích thước lắp đặt ghế ngồi, giường nằm; vị trí và kích thước lắp đặt đèn, gương chiếu hậu; chiều rộng toàn bộ ca bin và kích thước thùng chở hàng của ô tô (đối với ô tô chở hàng); kích thước và vị trí của cửa lên xuống, cửa thoát hiểm, bậc lên xuống, lối đi; kích thước và vị trí khoang chở hành lý (đối với ô tô khách);

b) Bản sao có xác nhận của bên chuyển giao công nghệ bản thông số kỹ thuật và tính năng cơ bản của ô tô sản xuất, lắp ráp do bên chuyển giao công nghệ cấp;

c) Bản sao có xác nhận của bên chuyển giao công nghệ Giấy chứng nhận kiểu loại sản phẩm do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp.

Điều 5. Thẩm định thiết kế

1. Hồ sơ thiết kế ô tô phải được Cơ quan QLCL thẩm định.

2. Trình tự và cách thức thực hiện

a)² Cơ sở thiết kế lập hồ sơ thiết kế và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cơ quan QLCL.

Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: nộp 01 bộ hồ sơ thiết kế dạng điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính: ngoài nộp 01 bộ hồ sơ thiết kế theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này, cơ sở thiết kế nộp thêm 01 bản tài liệu (02 bản tài liệu nếu cơ sở thiết kế khác cơ sở sản xuất) quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

b) Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với các hình thức nộp khác và hướng dẫn để cơ sở thiết kế hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, Cơ quan QLCL tiếp nhận và tiến hành thẩm định hồ sơ;

c)³ Cơ quan QLCL kiểm tra đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế ô tô với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ

² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 1 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024

³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 1 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024

Giao thông vận tải về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế, nếu hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ thiết kế ô tô đầy đủ nhưng có các nội dung chưa đạt yêu cầu thì Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản hoặc thông báo thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến lý do và nội dung chưa đạt yêu cầu để Cơ sở thiết kế hoàn thiện hồ sơ thiết kế. Cơ sở thiết kế có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ thiết kế và nộp lại trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo và gửi lại cho Cơ quan QLCL. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện đầy đủ, Cơ quan QLCL kiểm tra đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế ô tô với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế, nếu hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; nếu hồ sơ thiết kế không đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và nêu rõ lý do. Quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, cơ sở thiết kế không hoàn thiện các nội dung chưa phù hợp của hồ sơ thiết kế, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc thẩm định hồ sơ thiết kế và thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Để tiếp tục thực hiện việc thẩm định hồ sơ thiết kế ô tô, cơ sở thiết kế phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu; d) Cơ sở thiết kế nhận kết quả thẩm định thiết kế gồm: Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế, 01 bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật của hồ sơ thiết kế đã được thẩm định (02 bản đối với trường hợp cơ sở thiết kế khác cơ sở sản xuất) trực tiếp tại trụ sở Cơ quan QLCL hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc theo hình thức phù hợp khác.

3. Thẩm định lại hồ sơ thiết kế

Cơ sở thiết kế lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 liên quan đến các nội dung thay đổi của hồ sơ thiết kế gửi tới Cơ quan QLCL đề nghị xem xét thẩm định lại trong các trường hợp sau:

a) Có sự thay đổi, bổ sung, sửa đổi hồ sơ thiết kế so với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định nhưng vẫn đáp ứng về sản phẩm cùng kiểu loại được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Có sự thay đổi của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trừ trường hợp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại sản phẩm đã được cấp vẫn còn hiệu lực.

4. Cơ sở thiết kế phải lập hồ sơ thiết kế mới nếu các nội dung bổ sung, sửa đổi không đáp ứng được các yêu cầu về sản phẩm cùng kiểu loại được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Thử nghiệm mẫu điển hình

1. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm chuyển mẫu điển hình tới cơ sở thử nghiệm. Các hạng mục và đối tượng phải kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ sở thử nghiệm căn cứ vào các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để hướng dẫn cơ sở sản xuất, nhập khẩu cung cấp các tài liệu phục vụ cho việc kiểm tra, thử nghiệm.

3. Cơ sở thử nghiệm tiến hành thử nghiệm mẫu điển hình theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; lập báo cáo kết quả thử nghiệm. Báo cáo thử nghiệm có giá trị sử dụng trong 36 tháng kể từ ngày ký để đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại sản phẩm

1. Hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại đối với linh kiện thuộc đối tượng phải kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản thông tin về linh kiện có các thông số kỹ thuật của sản phẩm kèm theo ảnh chụp tổng thể sản phẩm;

c) Bản sao báo cáo kết quả thử nghiệm linh kiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại Việt Nam;

d) Bản sao bản vẽ kỹ thuật kèm các thông số của sản phẩm; bản thuyết minh các ký hiệu, ký tự, số đóng trên sản phẩm (nếu có);

đ) Bản sao tờ khai hàng hóa nhập khẩu đối với trường hợp cấp chứng nhận chất lượng theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

2. Hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại đối với ô tô bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản thông tin ô tô sản xuất, lắp ráp theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo ảnh chụp tổng thể ô tô, ảnh chụp thiết bị đặc trưng (nếu có);

c) Bản sao báo cáo kết quả thử nghiệm về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành đối với ô tô tại Việt Nam.

Miễn nộp báo cáo thử nghiệm về khí thải đối với động cơ nếu cung cấp được một trong các tài liệu sau: bản sao văn bản xác nhận của nhà sản xuất động cơ nước ngoài kèm theo các tài liệu kết quả chứng nhận sự phù hợp về chất lượng khí thải của các kiểu loại động cơ nhập khẩu theo quy định tại thỏa thuận từ các quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực chứng nhận xe cơ giới; bản sao văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp tại Việt Nam của nhà sản xuất động cơ nước ngoài kèm theo bản sao Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại động cơ về khí thải còn hiệu lực được cấp bởi Cơ quan QLCL; bản sao Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại động cơ về khí thải cấp bởi Cơ quan QLCL đối với trường hợp cơ sở sản xuất động cơ trong nước sản xuất, lắp ráp động cơ để cung cấp cho cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô;

d) Bản sao Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế, bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật của hồ sơ thiết kế đã được Cơ quan QLCL thẩm định hoặc các tài liệu thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư này;

đ)⁴ Bản thống kê các tổng thành, hệ thống sản xuất trong nước và nhập khẩu dùng để sản xuất, lắp ráp ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và kèm theo một trong các tài liệu tương ứng đối với từng linh kiện (trừ động cơ) thuộc đối tượng phải kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận theo quy định như sau: Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại linh kiện (còn hiệu lực) được cấp bởi Cơ quan QLCL; Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện nhập khẩu còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định 60/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ quy định về việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu và linh kiện nhập khẩu theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (sau đây gọi là Thông báo miễn kiểm tra linh kiện theo Nghị định 60/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023); bản sao văn bản xác nhận của nhà sản xuất linh kiện nước ngoài kèm theo các tài liệu kết quả chứng nhận sự phù hợp về chất lượng của các kiểu loại linh kiện nhập khẩu theo quy định tại các thỏa thuận từ các quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực chứng nhận xe cơ giới; bản sao văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp tại Việt Nam của nhà sản xuất linh kiện nước

⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2, Điều 1 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024

ngoài kèm theo bản sao Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại linh kiện (còn hiệu lực) được cấp bởi Cơ quan QLCL.

e) Bản sao bản thuyết minh phương pháp và vị trí đóng số khung, số động cơ.

Điều 8. Đảm bảo chất lượng sản phẩm trong sản xuất, lắp ráp

1. Cơ sở sản xuất áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm bảo đảm chất lượng trong sản xuất, lắp ráp và xuất xưởng sản phẩm đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng được thực hiện thông qua quy trình hướng dẫn sản xuất, lắp ráp, quy trình hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra chất lượng phù hợp với kiểu loại sản phẩm sản xuất từ khâu kiểm soát chất lượng linh kiện đầu vào, kiểm tra chất lượng trên từng công đoạn, kiểm tra chất lượng xuất xưởng; quy trình thực hiện khắc phục, phòng ngừa lỗi của sản phẩm; quy trình lưu trữ hồ sơ và kiểm soát hồ sơ kiểm tra chất lượng sản phẩm.

2. Cơ quan QLCL thực hiện đánh giá việc đảm bảo chất lượng sản phẩm (đánh giá COP) theo các phương thức sau:

a) *Đánh giá lần đầu* được thực hiện khi cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại sản phẩm theo các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn IATF 16949 “Các yêu cầu về hệ thống quản lý chất lượng dành cho các tổ chức sản xuất và dịch vụ liên quan linh kiện ngành ô tô”, bao gồm các nội dung:

Đánh giá tính đầy đủ của các quy trình nêu tại khoản 1 Điều này; đánh giá hoạt động thực tế của hệ thống kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng sản phẩm; khả năng truy xuất nguồn gốc vật tư, linh kiện, thời gian sản xuất, xuất xưởng sản phẩm;

Đánh giá tình trạng hoạt động, độ chính xác và sự phù hợp với loại sản phẩm sản xuất của trang thiết bị kiểm tra cho từng công đoạn sản xuất và kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

Đánh giá nghiệp vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm và khả năng sử dụng trang thiết bị kiểm tra chất lượng được đảm nhiệm của các kỹ thuật viên; nghiệp vụ của kỹ thuật viên chịu trách nhiệm chung về kiểm tra chất lượng xuất xưởng ô tô.

b) *Đánh giá tại các kỳ tiếp theo* được tiến hành để đánh giá việc thực hiện và duy trì việc đảm bảo chất lượng của cơ sở sản xuất; tại kỳ đánh giá này Cơ quan QLCL sẽ lấy mẫu ngẫu nhiên để đánh giá việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến sản phẩm và sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng so với hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại. Thời gian kỳ đánh giá tiếp theo đối với cơ sở sản xuất linh kiện là 36 tháng; đối với cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô được xác định trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý chất lượng sản phẩm sản xuất, lắp ráp quy định tại Điều 14 và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với các linh kiện nhập khẩu sản xuất từ nước đã có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực chứng nhận chất lượng xe cơ giới thì thực hiện theo thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau. Trường hợp linh kiện nhập khẩu từ các nước chưa có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực chứng nhận chất lượng xe cơ giới với Việt Nam sẽ thực hiện như sau:

a) Đánh giá COP theo cách thức nêu tại điểm a khoản 2 của Điều này;

b) Miễn đánh giá COP các kỳ tiếp theo nếu cơ sở sản xuất xuất trình được các tài liệu thể hiện kết quả đánh giá COP còn hiệu lực phù hợp theo quy định ECE, EC được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài hoặc tổ chức đánh giá độc lập được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài công nhận.

4. Không đánh giá COP trong các trường hợp sau:

a) Kiểu loại sản phẩm được sản xuất, lắp ráp theo quy trình công nghệ và quy trình kiểm tra không có sự thay đổi cơ bản hoặc đơn giản hơn so với quy trình công nghệ và quy trình kiểm tra của kiểu loại sản phẩm đã được đánh giá trước đó;

b) Kiểu loại linh kiện nhập khẩu đăng ký chứng nhận theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

Điều 9. Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại sản phẩm

1. Trình tự và cách thức thực hiện cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại sản phẩm (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) như sau:

a) Cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu linh kiện (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) lập 01 bộ hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm (hồ sơ đăng ký chứng nhận) theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 7 của Thông tư này, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua Cổng thông tin điện tử hoặc qua hình thức khác đến Cơ quan QLCL;

b) Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký chứng nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với các hình thức nộp khác, hướng dẫn để doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ;

c)⁵ Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và

⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3, Điều 1 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024

có kết quả COP đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm d khoản này. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan QLCL thông báo đề Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP, Cơ quan QLCL thông báo tới doanh nghiệp để thực hiện đánh giá COP theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện nội dung hồ sơ chưa phù hợp (bao gồm cả việc thực hiện đánh giá COP đối với trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP) và gửi lại cho Cơ quan QLCL. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện đầy đủ và kết quả đánh giá COP, Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và kết quả COP đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm d khoản này; nếu có nội dung không phù hợp, Cơ quan QLCL thông báo cho doanh nghiệp về việc không cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do. Trường hợp quá thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp không hoàn thiện các nội dung chưa phù hợp đã thông báo, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP và thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận. Để tiếp tục thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu

d) Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu;

đ) Doanh nghiệp nhận Giấy chứng nhận trực tiếp tại trụ sở Cơ quan QLCL hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc theo hình thức phù hợp khác.

2. Đối với trường hợp linh kiện nhập khẩu đăng ký chứng nhận chất lượng theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu thì Giấy chứng nhận cấp cho kiểu loại linh kiện nhập khẩu chỉ có giá trị đối với các linh kiện cùng kiểu loại thuộc cùng tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

Điều 10. Quy định trong quá trình sản xuất, lắp ráp hàng loạt

1. Cơ sở sản xuất phải kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho từng sản phẩm sản xuất hàng loạt (gọi tắt là kiểm tra xuất xưởng), đảm bảo các sản phẩm này đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận và mẫu điển hình sau khi kiểu loại sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận.

2.⁶ Cơ sở sản xuất phải đảm bảo và chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng và thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy

⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4, Điều 1 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người

định của pháp luật. Các sản phẩm chỉ được xuất xưởng, cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe ô tô khi Giấy chứng nhận của kiểu loại sản phẩm còn hiệu lực và khi linh kiện thuộc đối tượng phải kiểm tra thử nghiệm và chứng nhận theo định quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này đáp ứng một trong yêu cầu sau:

a) Giấy chứng nhận của linh kiện còn hiệu lực;

b) Thông báo miễn kiểm tra linh kiện theo Nghị định 60/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 còn hiệu lực.

3. Cơ sở sản xuất không được sử dụng khung hoặc động cơ có số đóng bị tẩy xóa, đục sửa, đóng lại để lắp ráp ô tô. Trường hợp ô tô có số khung (số VIN) hoặc số động cơ đóng trong nước bị sai, không đọc được hoặc mất nét chữ (đóng lỗi) thì cơ sở sản xuất tiến hành đóng lại số VIN hoặc số động cơ và có văn bản gửi Cơ quan QLCL báo cáo về nguyên nhân, biện pháp khắc phục trong đó thể hiện các nội dung: số khung hoặc số động cơ xe đóng lại; vị trí đóng lại so với số đã đóng lỗi; ảnh chụp thể hiện được số bị đóng lỗi, số bị đóng lỗi đã được đóng hủy bằng dấu "X", số sau khi đóng lại; ảnh chụp thể hiện vị trí tương quan của số trước và sau khi đóng lại.

4. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm lập và cấp cho từng xe ô tô xuất xưởng 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (sau đây gọi tắt là Phiếu xuất xưởng) theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này. Phiếu xuất xưởng phải do người có thẩm quyền (cấp trưởng, cấp phó hoặc cấp dưới trực tiếp được ủy quyền bằng văn bản của thủ trưởng cơ sở sản xuất) ký tên, đóng dấu;

b) Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt trong đó có thể hiện thông số kỹ thuật cơ bản của sản phẩm và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị chính, thiết bị an toàn của xe, thiết bị đặc trưng (nếu có);

c) Sổ bảo hành hoặc phiếu bảo hành sản phẩm bằng tiếng Việt trong đó ghi rõ thời gian và điều kiện bảo hành, chu kỳ, nội dung công việc bảo dưỡng và địa chỉ các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng đáp ứng quy định của pháp luật.

5. Cơ sở sản xuất chỉ cấp phiếu xuất xưởng cho xe ô tô đã được kiểm tra chất lượng xuất xưởng đạt yêu cầu.

6. Đối với cơ sở sản xuất vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 của Thông tư này ngoài việc bị dừng xuất xưởng kiểu loại sản phẩm theo quy định thì Cơ sở sản xuất chỉ được cấp phiếu xuất xưởng cho các xe của kiểu loại không vi phạm sau khi có kết quả tự kiểm tra xuất xưởng gửi cơ quan QLCL cho đến khi việc

tạm đình chỉ xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm vi phạm được hủy bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Thông tư này.

7. Cơ quan QLCL ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra và tiến hành kiểm tra đột xuất đối với cơ sở sản xuất về việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này trong trường hợp sau:

- a) Căn cứ vào phản ánh, khiếu nại có cơ sở về chất lượng sản phẩm trên thị trường;
- b) Có văn bản yêu cầu của các cơ quan chức năng;
- c) Nếu kết quả kiểm tra cho thấy cơ sở sản xuất vi phạm các quy định về duy trì việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, kiểm tra chất lượng sản phẩm; sản phẩm xuất xưởng không đảm bảo chất lượng hoặc sản phẩm xuất xưởng không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận và mẫu điển hình đã được chứng nhận chất lượng; cấp Phiếu xuất xưởng không đúng quy định hoặc vi phạm các quy định khác tại Thông tư này thì xem xét xử lý theo quy định tại Điều 13 của Thông tư này và áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp tương ứng theo quy định tại Điều 14 và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm báo cáo và truyền dữ liệu liên quan đến việc kiểm tra xe xuất xưởng tới Cơ quan QLCL.

Điều 11. Cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm

1. Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng, hết hiệu lực hoặc thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận.

2. Hồ sơ cấp lại gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các tài liệu nêu tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 7 của Thông tư này đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do hết hiệu lực. Miễn nộp các tài liệu nếu không có sự thay đổi so với các tài liệu đã nộp trong hồ sơ đăng ký chứng nhận của kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận.

3. Trình tự thực hiện:

a) Doanh nghiệp lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua cổng thông tin điện tử hoặc hình thức phù hợp khác đến Cơ quan QLCL;

b) Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong vòng 02 ngày

làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với các hình thức nộp khác, hướng dẫn để doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ;

c) Cơ quan QLCL kiểm tra nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ và có kết quả đánh giá COP phù hợp thì cấp lại Giấy chứng nhận trong vòng 02 ngày làm việc đối với trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận; hoặc trong vòng 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do hết hiệu lực.

Để cấp lại Giấy chứng nhận đối với trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực Cơ quan QLCL lấy mẫu ngẫu nhiên trong lô sản phẩm sản xuất, lắp ráp hoặc nhập khẩu để thử nghiệm theo quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng tại Việt Nam.

4. Hiệu lực Giấy chứng nhận cấp lại do bị mất, hỏng hoặc do thay đổi thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp được lấy theo hiệu lực của Giấy chứng nhận của kiểu loại sản phẩm đã cấp.

Điều 12. Cấp mở rộng, bổ sung Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm

1. Việc cấp mở rộng Giấy chứng nhận hoặc bổ sung hồ sơ đăng ký chứng nhận kiểu loại sản phẩm được thực hiện khi kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận còn hiệu lực có sự thay đổi so với hồ sơ chứng nhận chất lượng kiểu loại nhưng vẫn đáp ứng được các yêu cầu về sản phẩm cùng kiểu loại theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Cấp mở rộng Giấy chứng nhận trong trường hợp kiểu loại sản phẩm có thay đổi như quy định tại khoản 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này làm ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của sản phẩm so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc có các thay đổi làm thay đổi thông số in trên Giấy chứng nhận đã cấp;

b) Bổ sung hồ sơ đăng ký chứng nhận kiểu loại trong trường hợp sản phẩm có sự thay đổi nhưng không thuộc điểm a khoản này.

2. Hồ sơ cấp mở rộng Giấy chứng nhận hoặc bổ sung khi sản phẩm có sự thay đổi so với kiểu loại sản phẩm gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này, các tài liệu liên quan tới sự thay đổi của sản phẩm;

b) Báo cáo kết quả thử nghiệm bổ sung các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định liên quan đến các hạng mục thay đổi của sản phẩm tại Việt Nam;

Miễn thử nghiệm đối với trường hợp sản phẩm có sự thay đổi về tính tiện nghi và thẩm mỹ nhưng không làm thay đổi các thông số an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được sử dụng làm cơ sở để cấp Giấy chứng nhận.

3. Trình tự thực hiện

a) Doanh nghiệp lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua cổng thông tin điện tử hoặc hình thức phù hợp khác đến Cơ quan QLCL;

b) Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với các hình thức nộp khác, hướng dẫn để doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ;

c) Cơ quan QLCL kiểm tra nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và có kết quả đánh giá COP phù hợp thì cấp Giấy chứng nhận mở rộng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ hợp lệ. Trường hợp bổ sung hồ sơ thì ghi nhận và bổ sung các nội dung thay đổi vào hồ sơ đăng ký chứng nhận của kiểu loại sản phẩm đã cấp. Nếu có các nội dung không hợp lệ thì Cơ quan QLCL thông báo cho doanh nghiệp để hoàn thiện hồ sơ.

4. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận mở rộng được lấy theo hiệu lực của Giấy chứng nhận của kiểu loại xe trước khi thay đổi.

Điều 13. Tạm dừng việc xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm và thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho kiểu loại sản phẩm

1. Tạm dừng việc xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm

Cơ quan QLCL yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong các lỗi sau: không duy trì việc đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định; không thực hiện kiểm tra xuất xưởng theo quy định; sản phẩm xuất xưởng không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận và mẫu điển hình của kiểu loại đã được chứng nhận; cấp Phiếu xuất xưởng không đúng quy định;

b) Không thực hiện việc triệu hồi sản phẩm bị khuyết tật theo quy định tại Chương III của Thông tư này;

c) Cơ sở sản xuất tự ý tẩy xóa, đục sửa số khung, số động cơ mà không báo cáo Cơ quan QLCL;

2. Tạm dừng việc xuất xưởng của tất cả kiểu loại sản phẩm

Cơ quan QLCL yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng tất cả kiểu loại sản phẩm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở sản xuất vi phạm lỗi đã nêu tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này với nhiều kiểu loại sản phẩm.

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô của cơ sở sản xuất bị tạm dừng hiệu lực hoặc bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

3. Hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng sản phẩm:

Cơ quan QLCL hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng và thông báo cho cơ sở sản xuất sau khi cơ sở sản xuất đã khắc phục các lỗi vi phạm.

4. Thu hồi Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận sẽ bị thu hồi nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Cơ sở sản xuất giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
- b) Cơ sở sản xuất giả mạo các tài liệu trong hồ sơ đăng ký chứng nhận;
- c) Quá thời gian 06 tháng kể từ ngày bị tạm đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà cơ sở sản xuất không thực hiện khắc phục lỗi vi phạm.

Nếu doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu kiểu loại sản phẩm bị thu hồi Giấy chứng nhận thì phải thực hiện thẩm định lại thiết kế và chứng nhận lại như đối với sản phẩm mới.

Điều 14. Quản lý rủi ro

1. Cơ quan QLCL căn cứ trên các tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro để tiến hành phân nhóm doanh nghiệp, áp dụng biện pháp quản lý phù hợp tương ứng theo quy định chi tiết tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Cơ quan QLCL.

2. Khi có sự thay đổi phân nhóm, Cơ quan QLCL có văn bản thông báo đề doanh nghiệp biết, thực hiện và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Cơ quan QLCL.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ TRIỆU HỒI SẢN PHẨM CÓ KHUYẾT TẬT

Điều 15. Sản phẩm phải triệu hồi

1. Doanh nghiệp phải triệu hồi các sản phẩm có khuyết tật do mình sản xuất, lắp ráp trong các trường hợp sau:

- a) Sản phẩm vi phạm các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành bắt buộc áp dụng cho đối tượng sản phẩm đó;
- b) Sản phẩm gây ra nguy hiểm về tính mạng và tài sản do các lỗi kỹ thuật trong thiết kế, chế tạo;
- c) Sản phẩm dù chưa gây tổn thất về người và tài sản nhưng qua quá trình sử dụng có thể gây nguy hiểm trong một số điều kiện nhất định.

2. Đối với các sản phẩm có lỗi không thuộc diện triệu hồi nêu trên thì cơ sở sản xuất chủ động thực hiện khắc phục lỗi của sản phẩm.

Điều 16. Triệu hồi sản phẩm

1. Triệu hồi do doanh nghiệp chủ động thực hiện

Trường hợp phát hiện ra các sản phẩm đã cung cấp ra thị trường có khuyết tật thuộc diện triệu hồi, doanh nghiệp chủ động thực hiện các công việc sau đây:

a) Tạm dừng xuất xưởng đối với các sản phẩm thuộc kiểu loại sản phẩm có khuyết tật;

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện ra sản phẩm có khuyết tật, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản tới các đại lý bán hàng yêu cầu tạm dừng việc cung cấp sản phẩm có khuyết tật ra thị trường;

c) Trong thời gian không quá 14 ngày kể từ ngày xác định các sản phẩm có khuyết tật thuộc diện triệu hồi, doanh nghiệp phải báo cáo Cơ quan QLCL về nguyên nhân xảy ra khuyết tật của sản phẩm, biện pháp khắc phục, số lượng sản phẩm triệu hồi và kế hoạch triệu hồi phù hợp;

d) Công bố công khai kế hoạch triệu hồi trên phương tiện thông tin đại chúng;

đ) Sau thời gian không quá 30 ngày kể từ khi kết thúc việc triệu hồi, doanh nghiệp phải báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện triệu hồi tới Cơ quan QLCL;

e) Chịu mọi chi phí liên quan đến việc triệu hồi sản phẩm.

2. Triệu hồi theo yêu cầu của Cơ quan QLCL

Khi phát hiện ra sản phẩm của doanh nghiệp đã cung cấp ra thị trường có khuyết tật thuộc diện phải triệu hồi, Cơ quan QLCL sẽ căn cứ theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, các thông tin, kết quả điều tra (trường hợp cần thiết có thể trưng cầu các chuyên gia để đánh giá mức độ nguy hiểm của sản phẩm có khuyết tật) để xem xét và quyết định thực hiện các công việc sau đây:

a) Yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng kiểu loại sản phẩm có khuyết tật và báo cáo Cơ quan QLCL về các thông tin liên quan đến sản phẩm có khuyết tật thuộc diện phải triệu hồi;

b) Căn cứ vào mức độ nguy hiểm và khẩn cấp của sản phẩm có khuyết tật để có yêu cầu cơ sở sản xuất thực hiện việc triệu hồi sản phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN VÀ TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 17. Trách nhiệm của Cơ quan QLCL

1. Tổ chức triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư này.

2. Thống nhất phát hành, quản lý việc sử dụng đối với Giấy chứng nhận và phôi Phiếu xuất xưởng.

3. Công khai danh sách các cơ sở thử nghiệm thực hiện việc thử nghiệm linh kiện, ô tô phục vụ cho công tác chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

4. Cấp phối phiếu xuất xưởng theo kế hoạch sản xuất tháng, quý đối với các kiểu loại sản phẩm của cơ sở sản xuất.

5. Cơ quan QLCL có thể trưng cầu các chuyên gia để đánh giá mức độ nguy hiểm của lỗi của sản phẩm có khuyết tật để có thể đưa ra các quyết định kịp thời và cần thiết.

6. Thông báo tới cơ quan công an khi nhận được thông báo bị mất Phiếu xuất xưởng của cơ sở sản xuất; thông báo với cơ quan hải quan nơi nhập khẩu khi có bằng chứng ô tô sản xuất, lắp ráp sử dụng bộ linh kiện có số khung, số động cơ đóng tại nước ngoài bị tẩy xóa, đục sửa, đóng lại.

7. Thu các khoản phí, giá, lệ phí theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp xảy ra sự cố giao dịch điện tử trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm, Cơ quan QLCL có trách nhiệm thông báo trên trang Thông tin điện tử của Cơ quan QLCL chậm nhất 04 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố trong giờ hành chính hoặc 04 giờ kể từ thời điểm bắt đầu ngày làm việc tiếp theo đối với những sự cố xảy ra trong thời gian nghỉ theo quy định của pháp luật.

9. Lưu trữ hồ sơ thiết kế, hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm ít nhất 05 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp thông báo tới Cơ quan QLCL ngừng sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc kể từ thời điểm Giấy chứng nhận cấp cho kiểu loại sản phẩm hết hiệu lực. Trường hợp hồ sơ bằng giấy đã được điện tử hóa để lưu trữ theo quy định thì cho phép hủy hồ sơ bằng giấy sau 03 năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ sở thử nghiệm

1. Cơ sở thử nghiệm có trách nhiệm thử nghiệm về chất lượng an toàn kỹ thuật của ô tô và linh kiện sử dụng cho ô tô, về khí thải của ô tô hoặc động cơ theo quy định hiện hành theo đề nghị của cơ sở sản xuất, nhập khẩu; chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, thử nghiệm đã thực hiện. Cơ sở thử nghiệm không chịu trách nhiệm về các hư hại của mẫu thử xảy ra trong quá trình thử nghiệm vì lý do bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức thực hiện, hướng dẫn cơ sở sản xuất, nhập khẩu chuẩn bị các tài liệu, mẫu điển hình để thử nghiệm theo quy định.

3. Thu các khoản phí, giá kiểm tra, thử nghiệm theo quy định của pháp luật.

4. Lưu trữ kết quả và các tài liệu phục vụ thử nghiệm ít nhất 03 năm kể từ ngày cấp báo cáo kết quả thử nghiệm.

Điều 19. Trách nhiệm của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu linh kiện và cơ sở thiết kế

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và chính xác của các thông tin khai báo và các tài liệu nộp trong hồ sơ, tuân thủ các quy định, quyết định kiểm tra của cơ quan chức năng.

2. Chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm, linh kiện sử dụng để sản xuất, lắp ráp ô tô; lưu trữ các thông tin liên quan đến sản phẩm, linh kiện để truy xuất nguồn gốc và triệu hồi sản phẩm.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

4. Trường hợp xảy ra sự cố giao dịch điện tử trên hệ thống khai đăng kiểm điện tử, cơ sở thiết kế, cơ sở sản xuất hoặc cơ sở nhập khẩu phải thông báo cho Cơ quan QLCL để phối hợp giải quyết.

5. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng để đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

6. Lưu trữ phần lưu của Phiếu xuất xưởng, hồ sơ kiểm tra chất lượng của sản phẩm tối thiểu 03 năm kể từ ngày xuất xưởng sản phẩm. Khi hủy tài liệu này, cơ sở sản xuất phải bảo đảm được việc truy xuất dữ liệu phục vụ cho việc triệu hồi sản phẩm.

7. Quản lý, sử dụng phôi phiếu xuất xưởng theo đúng quy định và gửi dữ liệu các xe ô tô đã xuất xưởng (số Giấy chứng nhận, số khung, số động cơ, số Phiếu xuất xưởng, ngày xuất xưởng) tới Cơ quan QLCL trong vòng 05 ngày làm việc kế tiếp sau khi đã sử dụng phiếu. Khi bị mất Phiếu xuất xưởng, cơ sở sản xuất thông báo với Cơ quan QLCL và chỉ được cấp Phiếu xuất xưởng thay thế sau 30 ngày kể từ ngày thông báo.

8. Cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu linh kiện thực hiện trách nhiệm triệu hồi các sản phẩm có khuyết tật theo quy định của Thông tư này; thông báo các thông tin cần thiết liên quan đến việc triệu hồi cho các đại lý, trạm dịch vụ và khách hàng; chủ động báo cáo đầy đủ với Cơ quan QLCL thông tin liên quan đến lỗi của sản phẩm có khuyết tật, cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến sản phẩm, kết quả và tiến độ thực hiện triệu hồi sản phẩm khi được yêu cầu.

9. Lưu trữ hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm, các tài liệu liên quan đến việc đảm bảo chất lượng của sản phẩm tối thiểu 05 năm kể từ thời điểm dừng sản xuất hoặc nhập khẩu kiểu loại sản phẩm.

10. Lưu trữ hồ sơ thiết kế ô tô tối thiểu 05 năm kể từ thời điểm dừng sản xuất kiểu loại sản phẩm.

11. Có trách nhiệm trả các khoản phí, giá, lệ phí liên quan đến việc thẩm định thiết kế, kiểm tra, thử nghiệm hoặc giám định sản phẩm có khuyết tật theo quy định.

Chương V

HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN⁷

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2019.

2. Các ô tô sản xuất, lắp ráp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này thì thực hiện kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo các quy định tại Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ

⁷ Điều 2 của Thông tư số 46/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2019 quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2019.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

Điều 10 và Điều 11 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024 quy định như sau:

“Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

2. Các xe đạp điện nhập khẩu; xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu có thời điểm về đến cảng, cửa khẩu Việt Nam trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thực hiện như sau:

a) Xe đạp điện nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT, Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

b) Xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ mô tô, xe gắn máy nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT, Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT và Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT.

3. Hồ sơ thẩm định thiết kế, hồ sơ đăng ký sản phẩm hoặc hồ sơ đăng ký chứng nhận của các kiểu loại xe cơ giới, xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và các linh kiện sử dụng cho xe cơ giới đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thực hiện như sau:

a) Xe ô tô sản xuất, lắp ráp thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 116/2017/NĐ-CP) và linh kiện sử dụng cho ô tô thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT;

b) Xe ô tô sản xuất, lắp ráp không thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP, rơ moóc và sơ mi rơ moóc và linh kiện sử dụng cho ô tô thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT, Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

c) Xe mô tô, xe gắn sản xuất, lắp ráp và linh kiện sử dụng cho mô tô, xe gắn máy thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

d) Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ sản xuất, lắp ráp và linh kiện sử dụng cho chở hàng bốn bánh có gắn động cơ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

đ) Xe đạp điện sản xuất, lắp ráp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT, Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

e) Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ sản xuất, lắp ráp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

g) Xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới và Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới.

3. Khi các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận thay đổi thì cơ sở sản xuất được tiếp tục sản xuất, lắp ráp, xuất xưởng và nhập khẩu cho đến hết thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp⁸

1. Giấy chứng nhận chất lượng của các kiểu loại sản phẩm, Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế ô tô và kết quả đánh giá việc đảm bảo chất lượng sản phẩm được thực hiện như sau:

a) Đối với Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế đã cấp trước 25 tháng 8 năm 2019 được tiếp tục sử dụng để hoàn thành thủ tục cấp các Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm, cơ sở thiết kế chỉ phải lập hồ sơ bổ sung các hạng mục còn thiếu so với quy định tại Thông tư này;

b) Kết quả đánh giá COP đối với sản phẩm linh kiện ở kỳ gần nhất tính từ ngày 17 tháng 10 năm 2017 đến trước ngày 25 tháng 8 năm 2019 được coi là kết quả đánh giá lần đầu;

c) Kết quả đánh giá COP đối với sản phẩm ô tô đã thực hiện trước ngày 25 tháng 8 năm 2019 có giá trị sử dụng trong 12 tháng kể từ ngày đánh giá đạt yêu cầu để làm thủ tục chứng nhận chất lượng. Trường hợp kết quả đánh giá COP này được thực hiện sau khi doanh nghiệp được Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô theo quy định tại Nghị định 116 thì được coi là đánh giá lần đầu;

d) Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại linh kiện đã được cấp lần đầu từ ngày 17 tháng 10 năm 2017 đến trước ngày 25 tháng 8 năm 2019 cho kiểu loại linh kiện trên cơ sở kết quả kiểm tra, thử nghiệm theo các quy chuẩn tương ứng tại Việt Nam nếu doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục sản xuất hoặc nhập khẩu để sử dụng cho sản xuất, lắp ráp ô tô thì lập hồ sơ bổ sung các hạng mục hồ sơ còn thiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua Cổng thông tin điện tử hoặc qua hình thức khác đến cơ quan QLCL. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định,

⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 46/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2019.

cơ quan QLCL cấp đổi Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp, trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Hiệu lực của Giấy chứng nhận cấp đổi là 36 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận lần đầu hoặc cho đến thời điểm theo lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng mới ban hành hoặc sửa đổi bổ sung tùy theo điều kiện nào đến trước. Giấy chứng nhận này được phép sử dụng để thực hiện hoàn thiện các thủ tục kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận kiểu loại xe ô tô và sản xuất, lắp ráp hoặc nhập khẩu. Trường hợp linh kiện sử dụng để sản xuất, lắp ráp cho kiểu loại xe đã được chứng nhận chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 116 thì chỉ thử nghiệm và chứng nhận chất lượng cho linh kiện đó theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại Việt Nam;

đ) Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại ô tô đã được cấp lần đầu từ ngày 17 tháng 10 năm 2017 đến trước ngày 25 tháng 8 năm 2019, nếu cơ sở sản xuất có nhu cầu tiếp tục sản xuất, lắp ráp kiểu loại xe đó thì lập hồ sơ bổ sung các hạng mục hồ sơ còn thiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư này, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua Cổng thông tin điện tử hoặc qua hình thức khác đến cơ quan QLCL, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định cơ quan QLCL cấp đổi Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp, trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Hiệu lực của Giấy chứng nhận cấp đổi là 36 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận lần đầu.

Phiếu xuất xưởng đã cấp cho các xe ô tô trước ngày Thông tư này có hiệu lực và Phiếu xuất xưởng cấp cho các xe ô tô theo khoản 1 Điều này vẫn có giá trị sử dụng để giải quyết các việc có liên quan.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: /VBHN-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Duy Lâm

